

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Yến.
- Ông Lưu Xuân Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thông Thị Minh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 182/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 08/2025/QĐ-CA ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Viết T, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Xóm A, thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ánh T1, sinh năm 2002.

Nơi cư trú: Xóm A, thôn Đ, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Viết T trình bày: Ông và bà Lê Thị Ánh T1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 30/11/2023, đăng ký kết hôn số 57. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà T1 nghiện ma túy và đã bỏ đi theo người khác.

Ông bà đã ly thân từ tháng 11/2024 đến nay. Ông xác định không còn tình cảm với bà T1, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu được ly hôn với bà T1.

Về con chung, ông bà có 01 con chung là Lê Đức D, sinh ngày 05/9/2023. Từ khi ly thân tới nay, ông là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D; bà T1 không phụ cấp nuôi con, cũng không thăm nom con. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, yêu cầu bà T1 phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông hiện nay làm cửa sắt, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 03/7/2025, bà Nguyễn Thị K là mẹ ruột của bà Lê Thị Ánh T1 đã trình bày: Hiện nay, bà T1 đang sống cùng với bà tại thôn Đ, xã N. Bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và giao cho bà T1 nhưng tại sao bà T1 không lên Tòa án tham gia tố tụng thì bà không biết. Bà T1 và ông T kết hôn năm 2023, cả hai sống chung tại xã Đ được một thời gian thì đến khoảng giữa năm 2024 thì bà T1 về lại nhà bà sinh sống. Bà T1 và ông T ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì bà không biết, chỉ thấy từ khi ly thân tới nay, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phận ai nấy sống. Bà T1 và ông T có 01 con chung. Từ khi ly thân tới nay, con chung do ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc. Bà T1 hiện nay không có công việc ổn định, không có thu nhập.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng bị đơn không tham gia nên không thể tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho ông Lê Viết T ly hôn bà Lê Thị Ánh T1. Giao con Lê Đức D, sinh ngày 05/9/2023 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc bà T1 phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng.

Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Lê Viết T và bà Lê Thị Ánh T1 tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 30/11/2023, đăng ký kết hôn số 57. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông T đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Qua lời khai của nguyên đơn, quá trình xác minh, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ông bà phát sinh là do cả hai tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Mặt khác, Tòa án đã thông báo cho bà T1 lên Tòa án tham gia hòa giải nhưng bà không tham gia, chứng tỏ bà không có ý định níu kéo cuộc hôn nhân này. Từ những phân tích trên, thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy xử cho ông T ly hôn bà T1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Lê Đức D, sinh ngày 05/9/2023. Từ khi ly thân tới nay, ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Mặc dù, cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng xét thấy, chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng, bà T1 tự ý về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không quan tâm đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, bỏ lại con còn rất nhỏ cho ông T nuôi dưỡng; hiện nay cháu D được ông T nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt và đã quen với điều kiện, môi trường sống. Vì vậy, cần áp dụng Án lệ số 54/2022/AL để giao cháu D cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[2.3] Về cấp dưỡng: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Ông T yêu cầu bà T1 phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng. Thấy rằng, mức yêu cầu cấp dưỡng của ông T là phù hợp với mức sống tại địa phương, trong khả năng tài chính của bị đơn, đủ để đảm bảo cho cháu D phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Do đó, buộc bà T1 phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, ông T có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông T là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bà T1 là người phải cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình; Án lệ số 54/2022/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Ông Lê Viết T ly hôn bà Lê Thị Ánh T1.

- Về con chung: Ông Lê Viết T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Lê Đức D, sinh ngày 05/9/2023. Bà Lê Thị Ánh T1

phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, ông T có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí DSST:

Ông Lê Viết T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (Nay là phòng thi hành án dân sự khu vực A - Lâm Đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001823 ngày 28 tháng 5 năm 2025. Ông T đã nộp đủ án phí DSST.

Bà Lê Thị Ánh T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã **Đồng Kho**;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Nghĩa